

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/8/2022  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Chân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thanh;

- Bà Trần Thị Ánh Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân TP X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-HN&GD ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HN ngày 25/7/2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1991, địa chỉ: tổ 10, khóm Vĩnh Đông 1, NS, TP X, tỉnh An Giang (bà P vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 10, khóm Vĩnh Đông 1, NS, TP X, tỉnh An Giang (ông H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:* Bà và ông H, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân NS, TP X, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyển số 01/2011, ngày 24/3/2011. Trong thời gian chung sống, bà P và ông H có sinh 01 con chung tên Huỳnh Hưng T, sinh ngày 08/11/2008. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống

hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H; bà P yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Huỳnh Hưng T, sinh ngày 08/11/2008; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Huỳnh Văn H thống nhất với lời khai của bà P về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và về con chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nhưng mâu thuẫn không lớn. Bà P và ông H không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn, một phần là vợ chồng không thể ngồi nói chuyện với nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn thương vợ nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, chấp nhận giao con chung tên Huỳnh Hưng T, sinh ngày 08/11/2008 cho bà P nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

Hội đồng xét xử công bố:

- Lời khai của bà Lê Thị Kim P; ông Huỳnh Văn H.

- Kết quả xác minh do Ban khóm Vĩnh Đông 1, NS, TP X, tỉnh An Giang ngày 21/7/2022;

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

*\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*\* Việc tuân theo pháp luật của đương sự:* Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Có yêu cầu được xét xử vắng mặt, thuộc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện:*

Nội dung vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện:

- *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Kim P và ông Huỳnh Văn H tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND phường NS theo số 49/HT ngày 24/3/2011, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà P được ông H thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; ông H thừa nhận mình có lỗi, đã chủ động hàn gắn tình cảm nhưng không được bà P đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn, tuy nhiên hòa giải không thành, bà P cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung Huỳnh Hưng T (sinh ngày 08/11/2008). Bà P có yêu cầu nuôi dạy cháu T; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà P làm nghề kinh doanh thu nhập ổn định, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu nuôi con của bà P là có căn cứ theo quy định 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; ghi nhận sự tự nguyện của bà P, về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P được ly hôn với ông Huỳnh Văn H; bà P được nuôi dạy Huỳnh Hưng T (sinh ngày 08/11/2008); ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định..

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại tổ 10, khóm Vĩnh Đông 1, NS, TP X, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân NS, TP X, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyển số 01/2011, ngày 24/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, ông H mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng lại không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn. Ông H thừa nhận mình có lỗi, đã chủ động hàn gắn tình cảm nhưng không được bà P đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn, tuy nhiên hòa giải không thành, bà P cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P, ông H cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ, chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hưng T, sinh ngày 08/11/2008. Bà P có yêu cầu nuôi dạy cháu T; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà P làm nghề kinh doanh thu nhập ổn định, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu nuôi con của bà P là có căn cứ theo quy định 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; ghi nhận sự tự nguyện của bà P, về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được tiếp tục nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Kim P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002300 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP X.

Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim P được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Giấy chứng nh kết hôn số 49/HT, quyển số 01/2011, ngày 24/3/2011 của Ủy ban nhân dân NS, TP X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Kim P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Hưng T, sinh ngày 08/11/2008, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002300 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP X.

Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Kim P, ông Huỳnh Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Chân**